

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2504/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công
sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Hướng dẫn thực hiện Quyết định này;

2. Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông để quản lý cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật;

3. Phối hợp với Bộ Tài chính ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực thông tin và truyền thông sử dụng ngân sách nhà nước;

4. Quyết định việc đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ theo quy định pháp luật;

5. Đề xuất, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ quy định tại Điều 1 Quyết định này khi cần thiết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTT, CN, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b).KN 445



Nguyễn Xuân Phúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 17/SY-UBND

Bình Định, ngày 04 tháng 01 năm 2017

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- CVP, PVP CN, K9;
- Lưu: VT (04b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHỦ TỊCH VĂN PHÒNG**



Lê Nhuận

**DANH MỤC**

**Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
của Bộ Thông tin và Truyền thông**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2504/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên dịch vụ |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A | B |
| I | LĨNH VỰC BÁO CHÍ, XUẤT BẢN VÀ THÔNG TIN CƠ SỞ |
| 1 | Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị |
| 2 | Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ đảm bảo an ninh - quốc phòng |
| 3 | Thông tin tuyên truyền đối ngoại và phục vụ hội nhập quốc tế |
| 4 | Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội: Phát triển nông nghiệp - nông thôn; phòng chống thiên tai, hiểm họa phục vụ cộng đồng; phục vụ thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thính, khiếm thị, đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội khác |
| 5 | Đo lường mức độ tiếp cận, sử dụng thông tin của khán giả phục vụ đánh giá hiệu quả nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh - quốc phòng, đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội |
| II | LĨNH VỰC VIỄN THÔNG, INTERNET |
| 1 | Kiểm định thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện phục vụ quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước |
| 2 | Đo kiểm |
| a | Sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông |
| b | Chất lượng dịch vụ viễn thông phục vụ quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước |
| c | Chất lượng kỹ thuật truyền dẫn, phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình phục vụ quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng các kênh phát thanh, truyền hình thiết yếu |
| d | An toàn phơi nhiễm sóng điện từ trường |
| đ | Vô tuyến điện, tương thích điện từ trường (EMC) |
| 3 | Phát triển và duy trì sử dụng tên miền quốc gia .VN |
| a | Phát triển tên miền quốc gia .VN |
| b | Duy trì sử dụng tên miền quốc gia .VN |

| STT | Tên dịch vụ |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A | B |
| 4 | Phát triển và duy trì sử dụng địa chỉ internet (IP) |
| a | Phát triển địa chỉ internet (IP) |
| b | Duy trì sử dụng địa chỉ internet (IP) |
| 5 | Duy trì, đảm bảo kết nối hệ thống mạng viễn thông và hiệu quả sử dụng kho số viễn thông |
| 6 | Xử lý giao dịch chuyển mạng tập trung và cung cấp dữ liệu định tuyến phục vụ chuyển mạng giữ nguyên số thuê bao |
| 7 | Viễn thông dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước |
| III | LĨNH VỰC BƯU CHÍNH |
| 1 | Bưu chính hệ đặc biệt phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước |
| IV | LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1 | Điều phối hoạt động ứng cứu sự cố an toàn mạng và an toàn thông tin mạng |
| 2 | Thu thập, phân tích, cảnh báo nguy cơ, sự cố, tấn công mạng |
| 3 | Ứng cứu, ngăn chặn, xử lý, khắc phục và diễn tập phòng chống tấn công mạng |
| 4 | Hỗ trợ phòng, chống, ngăn chặn thư rác, tin nhắn rác |
| 5 | Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin thuộc hệ thống Chính phủ điện tử |
| 6 | Kiểm định, đánh giá an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước |
| 7 | Cấp chứng thư số cho các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thư số công cộng |
| V | ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG |
| 1 | Đào tạo Hệ chính quy chuyên ngành thông tin và truyền thông được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí |
| 2 | Đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng kỹ năng về an toàn, an ninh thông tin trong và ngoài nước |
| 3 | Bồi dưỡng kỹ năng cho phóng viên, biên tập viên |
| 4 | Đào tạo học sinh nước ngoài chuyên ngành thông tin và truyền thông theo Hiệp định, Biên bản ghi nhớ, hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ các nước |
| VI | NGHIÊN CỨU KHOA HỌC THUỘC LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG |
| 1 | Nghiên cứu phục vụ xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) ngành thông tin và truyền thông |
| 2 | Nghiên cứu phục vụ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) ngành thông tin và truyền thông |